

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23/01/2025

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Lượng và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hiền N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKH: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh **Tạ Văn T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau vào năm 2013, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/10/2013 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại thôn C, xã V. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc,

sau phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2024 mâu thuẫn quá căng thẳng chị H đã chuyển về nhà ngoại sống tại thôn L, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng ly thân từ đó. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt tháng 10/2024 chị Lê Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không hiểu nhau, anh T ham chơi, thiếu trách nhiệm không quan tâm tới gia đình và vợ con dẫn đến thường xuyên xảy ra xích mích, có cãi vã, chửi nhau. Từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Do vậy, tình cảm của hai vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Toà án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Tạ Văn T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không hiểu nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Tuy nhiên vì các con anh vẫn luôn mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, anh không đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T có 02 người con chung là Tạ Văn T1, sinh ngày 23/8/2014 và Tạ Khánh C, sinh ngày 30/4/2018. Khi ly hôn, chị Lê Thị H đề nghị Toà án giao cháu Tạ Khánh C cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tạ Văn T đề nghị Toà án giao cháu Tạ Văn T1 cho anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của cháu Tạ Văn T1 có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố.

* Về tài sản, vay nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

* Kết quả xác minh thể hiện: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T đăng ký HKTT tại thôn C, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống làm việc tại địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện đang sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Tạ Văn T; về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Tạ Văn T1, sinh ngày 23/8/2014 cho anh Tạ Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Tạ Khánh C, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Lê Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nên không đề cập xử lý. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T, và giao nuôi con chung khi ly hôn; tài sản chung, vay nợ chung đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *“Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Tạ Văn T vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 25/10/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đến tháng 4/2024 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 10/2024 chị Lê Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T. Anh T2 cũng xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hiện đang sống ly thân nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Căn cứ kết quả xác minh, lời khai của các đương sự xác định cuộc sống hôn nhân của chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc, vợ chồng hiện đang sống ly thân nên xác định hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Tạ Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T có 02 con chung là cháu Tạ Văn T1, sinh ngày 23/8/2014 và cháu Tạ Khánh C, sinh ngày 30/4/2018.

Xét thấy, cháu Tạ Văn T1 và cháu Tạ Khánh C là con chung của chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm giao cháu Tạ Khánh C cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tạ Văn T có quan điểm được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn T1. Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Lời khai của cháu Tạ Văn T1 thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng của các đương sự, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Tạ Văn T1, sinh ngày 23/8/2014 cho anh Tạ Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Tạ Khánh C, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Lê Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, vay nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Tạ Văn T
(*Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 25 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Văn T1, sinh ngày 23/8/2014 cho anh Tạ Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Tạ Khánh C, sinh ngày 30/4/2018 cho chị Lê Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lê Thị H và anh Tạ Văn T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001964056 ngày 07/10/2024 Công ty cổ phần T3 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0001515 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (03/01/2025)

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- CC T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã V (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến